TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Đc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:28/2018/HS-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Mý
Bà Nguyễn Thị Lan
Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập
Đại diện Viện Rểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Sỹ Hào – Rểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm C3 khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, tên gọi khác: **B**

Sinh năm 1989 tại Gia Lai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng H, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai

Chỗ ở hiện nay: Làng H, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình Đ học vấn: 08/12; Dân tộc: Rnh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc T: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Dương Thị T, sinh năm 1968.

Có vợ Lê Thị Đ, sinh năm 1991 và một con Nguyễn Hải Nhật B, sinh năm 2015

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 30/9/2010 bị TAND huyện C xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng 12 ngày kể từ ngày 30/9/2010. (BA 26/2010/HSST). Ngày 08/7/2011 bị TAND huyện G xử phạt 16 tháng tù về tội TCTS. Tổng hợp hình phạt 29 tháng 06 ngày tính từ ngày 24/01/2011 (BA 26/2011/HSST). Đã chấp hành xong. Ngày 25/02/2015 bị TAND huyện C xử phạt 24 tháng tù về tội TCTS. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2014 (BA 05/2015/HSST). Đã chấp hành xong

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 180/8/2017 cho đến nay. Có mặt.

2. Bùi Văn D, Sinh năm 1984 tại M, N

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Làng Q, xã R, huyện G, Gia Lai

Nghề nghiệp: Không; Trình Đ học vấn: 06/12; Dân tộc: Rnh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc T: Việt Nam;

Con ông Bùi Văn H, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Đinh Thị C, sinh năm 1947

Có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1989 và một con Bùi Thị P, sinh năm 2010

Tiền sự: Không

Tiền án: Không;

Nhân thân: Năm 1999 bị Toà án nhân dân huyện Đ thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2017 đến nay. Có mặt

Có mặt.

3. Vũ Văn T

Sinh năm 1991 tại D

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện M, tỉnh Hải Dương

Chỗ ở hiện nay: Làng D, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình Đ học vấn: 09/12; Dân tộc: Rnh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc Tịch: Việt Nam;

Con ông Vũ Đình T, sinh năm 1957, con bà Hoàng Thị X, sinh năm 1962.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2017 cho đến nay. Có mặt

Có mặt

4. Bùi Duy T2

Sinh năm 1983 tại Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện Đ, Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Làng L, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình Đ học vấn: 09/12; Dân tộc: Rnh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc T: Việt Nam;

Con ông Bùi Văn D, sinh năm 1944, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944.

Có vợ D, sinh năm 1996 và hai con là P, sinh năm 2012, T, sinh năm 2016

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến ngày 19/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Câm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt

5. Phạm Văn Q

Sinh ngày 09/8/1998 tại Gia Lai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Huyện K, tỉnh Ninh Bình

Chỗ ở hiện nay: Làng B, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình Đ học vấn: 10/12; Dân tộc: Rnh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc T: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn T , sinh năm 1971, con bà Trần Thị T, sinh năm 1973.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2017 đến ngày 25/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Câm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt

6. Lương Văn N

Sinh năm 1998 tại Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng P, xã P, huyện P, Gia Lai

Chỗ ở hiện nay: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Không; Trình Đ học vấn: 079/12; Dân tộc: Rnh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc Tịch: Việt Nam;

Con ông Lương Văn D, sinh năm 1975, con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1978.

Tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến ngày 13/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Câm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt

Người bị hại:

1. Chị **Nguyễn Thị P**

Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn B, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt

2. Anh **D**

Sinh năm 1992

Địa chỉ: Làng L, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai

Có mặt

3. Anh **Rơ Lan C,** sinh năm 1988

Địa chỉ: Làng J, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt

4. Anh **Lương Thái Thành C1,** sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn B, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai

Có mặt

5. Chị **Rơ Lan V,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Làng Y, xã R, huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai

6. Anh **Ksor H,** sinh năm 1981

Địa chỉ: Làng D, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai

Có mặt

7. Chị **Ksor T**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Làng T, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt
8. Chị **Ksor B**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Làng Mh, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai
Có mặt
9. Chị **Rơ Mah B1**, sinh năm 1996
Địa chỉ: Làng D, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai
Có mặt
Người có quyền lợi, N vụ liên quan:
1. Anh **Trần Văn C2**, sinh năm 1977
Địa chỉ : Thị Tứ R, huyện G, tỉnh Gia Lai.
Có mặt
2. Anh **Phạm Đình H**, sinh năm 1992
Địa chỉ: Làng B, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai
Có mặt
3. Bà **Lê Thị X – 1967**
Địa chỉ: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai
Vắng mặt
4. Anh **Vi Văn S – 1992**
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Kon Tum
Vắng mặt
5. Bà **Võ Thị Q – 1975**
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh Kon Tum
Có mặt
6. Anh **Bùi Văn Đ - 1994**
Địa chỉ:Thôn C xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai
Có mặt
7. Anh **Tăng Quang V – 1982**
Địa chỉ: Làng Kom Ngó, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai
Vắng mặt
8. Anh **Tăng Quang Đ – 1980**
Địa chỉ: Làng N, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai
Có mặt
Người phiên dịch
Ông Rơ Châm L – Cán bộ Huyện đoàn huyện G, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 19/Ctr-VKS ngày 31/5/2018, các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn D, Bùi Duy T2, Vũ Văn T, Phạm Văn Q và Lương Văn N bị Viện Rểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017 Nguyễn Văn L (SN: 1989, HKTT: Làng H - C - G - Gia Lai); Bùi Văn D (SN: 1984; HKTT: Thôn H- Mỹ Đức- Đồng Tâm - Tp Hà Nội; chỗ ở: Làng Dọch Quế - R - G - Gia Lai); Bùi Duy T2 (SN: 1983, HKTT: làng L - xã R - huyện G); Phạm Văn Q (SN 1996, HKTT: Làng B- O - G - Gia Lai) và Vũ Văn T (SN 1991, HKTT: xã K- M- Hải Dương, chỗ ở Làng C- R- G- Gia Lai) có quen biết với nhau từ trước nên đã liên hệ với nhau để nhiều lần thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và Lương Văn N (SN: 1998, HKTT: Làng P- P- P- Gia Lai, chổ ở: Làng Dăng - O - G - Gia Lai) Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, xảy ra trên địa bàn huyện G, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau.

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 20/04/2017, Vũ Văn T đang ở tại làng C, xã R, huyện G thì gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L rủ L đi trộm cắp xe máy ở khu bờ sông xã O, L đồng ý. Sau đó, L cầm theo một vam phá khóa hình chữ L dài khoảng 12cm (do L tự chế) và điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius (xe mượn của một người bạn tên H2 ở R, L không nhớ rõ biển số) đến đón T để cùng đi trộm cắp tài sản. L đưa xe cho T điều khiển và cả hai đi đến bến sông thuộc xã O, huyện G để trộm cắp xe. Khi đi ngang qua lô cà phê thuộc làng H, xã O, huyện G thấy có một xe mô tô BKS: 81V1- 101.43, hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng của chị Nguyễn Thị P (sinh năm: 1979, chỗ ở: Thôn B, xã R, huyện G) nên L đã bảo T dừng xe để L xuống lấy trộm xe trên, T dừng xe thì L đi vào sử dụng vam phá khóa và phá khóa xe của chị P, lấy trộm được chiếc xe mô tô trên. Sau đó, L và T cùng điều khiển xe mô tô về nhà L tại H, xã C. Trên đường đi, khi đi khi qua cầu suối Y, xã R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối nước. Khoảng 11 giờ cùng ngày L và T mang chiếc xe trên đi bán cho Phạm Đình H (sinh năm: 1992, Chỗ ở: Làng B, xã C, huyện G). Hệ xem xe và hỏi L bán giá bao nhiêu, L nói 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Hệ đồng ý và đưa tiền cho L, L chia cho T 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó L điều khiển xe Yamaha Sirius mượn của H2 về trả cho H2.

Đến ngày 05/05/2017, H đang ở quán sửa xe của mình tại làng B, xã C thì có một thanh niên (không rõ lai lịch) đến hỏi mua xe cũ nên H đã bán chiếc xe Sirius trên cho người thanh niên với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL-TS ngày 29/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen- trắng, BKS: 81V1-101.43, SK: C60CY924746; SM: 5C6494773, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 20/04/2017 có giá trị là 10.000.000.đ (mười triệu đồng).

Vụ thứ hai: Vào Khoảng 19 giờ ngày 02/6/2017 Bùi Duy T2 cùng với Bùi Văn D đang nhậu tại lều ở rẫy của anh Trần Văn C2 (sinh năm: 1977, chỗ ở: Xã R, huyện G, tỉnh

Gia Lai) thì nghe vợ T2 gọi điện thoại nói ở gần nhà có đám ma về để đi thăm. Khi nghe vợ mình nói như vậy thì T2 nói với D chú đi đến đám ma với cháu ở đó dễ lấy trộm xe lắm, thì D đồng ý đi lấy xe. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T2 và D cùng đi vào làng L, xã R tìm xe mô tô để trộm cắp. Tại đây, T2 đi vào trong đám đông để cảnh giới, còn D đi vào lấy trộm xe nhưng D không phá khóa xe mô tô được nên cả hai bỏ về lán. Đến khoảng 16 giờ ngày 03/06/2017, D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L rủ L đi lấy trộm xe mô tô và L đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày L đi nhờ xe đến lều rẫy của anh Trần Văn C2 gặp D và T2, tại đây D và T2 nói cho L biết trong làng L, xã R có đám ma tập trung đông người nên có nhiều xe mô tô dễ trộm cắp, nên rủ D vào để đi trộm xe máy thì D đồng ý, nhưng do chỉ có một xe Dream BKS: 81B1- 641.83 D mượn của anh Trần Văn C2 từ trước nên L và D nói T2 ở nhà đợi còn D điều khiển xe Dream chở L đến làng L, xã R. Khi vào gần đến đám ma D dừng xe cách khoảng 20m đứng cảnh giới và L đi vào thấy có xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, BKS: 81V1-124.92 của anh Siu Djót (sinh năm: 1992, chỗ ở: làng L- R) nên L dùng vam phá khóa mở khóa điện của xe rồi đề nổ xe và cùng D chạy về nhà rẫy. Khi đến nơi, T2 hỏi L "Lấy trộm xe được rồi hả" L nói "ừ" và kêu T2 tháo bỏ biển số xe, nên T2 tháo biển số xe đưa cho L và L điều khiển xe Sirius chạy về nhà tại làng H- C. Trên đường đi qua cầu suối Y- R, L ném biển số xuống suối.

Do trước đó Phạm Văn Q có điện thoại cho L để hỏi mua xe máy, nhưng L nói chưa có, để hôm nào lấy (tức trộm cắp) được thì L gọi, nên Q đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 04/06/2017 L điện thoại cho Phạm Văn Q nói đã có xe rồi (ý là đã có xe máy trộm được rồi) và hẹn Q đến lô cao su làng C, xã O để L bán xe. Lúc này Q rủ Lương Văn N cùng đi mua xe và Q lấy xe mô tô hiệu Air Blade BKS: 81V1-133.60 của bố mình là Phạm Văn T (sinh năm: 1971, chỗ ở: Làng B, xã O, huyện G) chở N đến làng C, xã O. Tại đây, Q gặp L và hỏi giá bao nhiêu thì L nói giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), Q đồng ý nên đưa tiền cho L, khi thấy L và Q giao dịch mua bán xe thì N biết Q mua xe do L trộm cắp. Sau khi bán xe xong, L đón xe đò về xã R gặp Thái (chưa rõ lai lịch) mua 03 (ba) tép ma túy (heroin) với giá 900.000 đ (C2n trăm ngàn đồng) rồi đến lều rẫy của anh C2 gặp D và T2, tại đây L đưa ma túy cho D và T2 cùng sử dụng, L đưa cho riêng D 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) và giữ lại 1.600.000đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Đến ngày 29/06/2017 Q bán xe máy Sirius cho người tên Tâm (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng), sau khi bán xe mô tô Q đem cho N 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và nói cho N biết là tiền bán xe mua của L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-TS ngày 16/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, BKS: 81V1-124.92, SK: C641DY084155; SM: 5C641084163, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 04/06/2017 có giá trị là 10.000.000.đ (mười triệu

đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 08/06/2017, Nguyễn Văn L đang chơi ở khu vực Thị Tứ - xã R thì gặp Bùi Văn D, lúc này L rủ D đi trộm cắp xe mô tô và D đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 09/06/2017, D điều khiển xe hiệu Dream BKS: 81B1- 641.83 chở L đi đến khu vực Làng J- O - G thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám - đen, BKS: 81B2-117.52 của anh Rơ Lan C (SN: 1988; HKTT: Làng J- O - G) đang để ngoài sân, L bảo D dừng xe đứng ngoài cảnh giới cách đó khoảng 50 mét, còn L đi bộ vào sân nhà anh C rồi sử dụng Vam phá khóa phá khóa điện của xe và lấy xe chạy về nhà tại Làng H- C, trên đường đi khi qua cầu suối Y- R L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối, còn D về nhà rẫy ngủ. Sáng ngày 09/06/2017 L và D thống nhất với nhau giữ lại chiếc xe mô tô trên để tiếp tục sử dụng làm P tiện đi trộm cắp tài sản sau này.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 31/KL-TS ngày 15/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu Yamaha Sirius, màu xám - đen, biển số 81B2-117.52, SK: HY037561; SM: E3X9E-101112, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 09/06/2017 có giá trị là 18.800.000.đ (mười tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 21 giờ ngày 13/06/2017, L đến nhà rẫy rủ D đi trộm cắp xe mô tôđể bán lấy tiền tiêu xài và D đồng ý. Sau đó, L đưa D điều khiển xe Sirius màu xám - đen (do L và D trộm cắp được trước đó vào ngày 09/06/2017 của anh Rơ Lan C ở làng J- O) chở L đi về hướng xã O - G. Khi đi đến tiệm "Internet" thuộc khu vực Thôn 1 - R - G thì phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - V, biển số 81V1-178.79 của anh Lương Thái Thành C3 (SN: 1990; HKTT: Thôn 3 - R - G - Gia Lai) để trước sân quán Internet. Lúc này, L bảo D dừng xe và đứng ngoài cảnh giới cách đó khoảng 50 mét, còn L đi vào sử dụng vam phá khóa đã chuẩn bị, phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại Làng H- C. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối, còn D về nhà rẫy ngủ. Khoảng 08 giờ ngày 14/06/2017, L điện thoại cho Lương Văn N hỏi N có mua xe không (ý là mua xe trộm cắp), N đồng ý và L hẹn gặp N tại lô cao su thuộc làng C - O. Khi đến nơi, L đưa xe mô tô cho N xem, N hỏi L bán bao nhiêu tiền thì L trả lời là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). N đồng ý và lấy tiền đưa cho L rồi đem xe về nhà. Khoảng 11 giờ cùng ngày, N gặp chị Lê Thị X (SN: 1967, trú tại: làng Dăng - O - G - Gia Lai) và hỏi chị X "có mua xe máy hiệu Sirius không"? X đồng ý nên N đem xe cho X xem và nói bán giá 5.000.000đ (năm triệu đồng), X lấy tiền đưa cho N và lấy xe về sử dụng. Số tiền chênh lệnh từ việc mua bán xe N tiêu xài hết.

Còn đối với L sau khi bán được chiếc xe mô tô lấy trộm nói trên cho N, L chia cho D 1.500.000.đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), L giữ lại 2.000.000đ (hai triệu đồng). Số tiền trên L và D tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KL-TS ngày 15/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu Yamaha Sirius, màu đen V, biển số 81V1-178.79 (SK: C6K0BY181458; SM:

5C6K181460), đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 13/06/2017 có giá trị là 12.600.000.đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vụ thứ năm: Khoảng 21 giờ ngày 22/06/2017, Nguyễn Văn L đến làng C - R chơi thì gặp Bùi Văn D nên D rủ L cùng rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, đến khoảng gần 24 giờ cùng ngày, L đưa D điều khiển xe Sirius màu xám - đen (do L và D trộm cắp được của anh Rơ Lan C vào ngày 09/06/2017 tại làng J- O) chở L đi về hướng làng Y- R. Khi đến nơi thì D và L phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đỏ, biển số 81B1-900.43 của anh Rơ Lan V (SN: 1985; HKTT: làng Bi Y - R - G - Gia Lai) để trước sân nhà. Lúc này, L bảo D dừng xe và đứng ngoài cảnh giới cách đó khoảng 15 mét, còn L đi bộ vào dắt xe ra ngoài đường rồi sử dụng vam phá khóa để phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại làng H- C. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối, còn D về nhà rẫy ngủ. Khoảng 08 giờ ngày 23/06/2017, L điện thoại cho Phạm Văn Q hỏi Q có mua xe không (ý là mua xe trộm cắp do trước đó Q đã hứa hẹn mua xe trộm cắp của L). Q đồng ý và hẹn gặp L tại lô cao su làng C - O. Nghe vậy Q rủ Lương Văn N cùng đi mua xe và lấy xe mô tô hiệu Air Blade BKS: 81V1-133.60 chở N đến làng C - O. Tại đây, Q gặp L xem xe và hỏi giá bao nhiêu thì L nói giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Q đồng ý nên đưa tiền cho L và lấy xe máy đi về nhà sử dụng. Đến khoảng 07 giờ ngày 07/07/2017, Q gặp N và nói do cần tiền đi C3 việc nên bán xe lại cho N chiếc xe trên với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), N đồng ý và lấy tiền đưa cho Q. Khoảng 11 giờ cùng ngày, N gặp anh Vi Văn S (SN: 1992, trú tại: Thôn T- Đ- D- Kon Tum) tại làng D- O- G và hỏi anh S có mua xe máy hiệu Sirius không, S đồng ý nên N đem xe cho S xem và nói bán giá 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng), S lấy tiền đưa cho N và lấy xe về sử dụng. Số tiền chênh lệnh từ việc mua bán xe N tiêu xài hết.

Còn đối với L sau khi bán được chiếc xe mô tô lấy trộm nói trên L đã chia cho D 1.500.000.đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), L giữ lại 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền trên L và D tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng - đỏ, BKS: 81B1-900.43, số khung: RLCS5C6KOGY284747, số máy: 5C6K284756, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 22/06/2017 có giá trị là 13.000.000.đ (mười ba triệu đồng).

Vụ thứ sáu: Khoảng 21 giờ 30 ngày 27/06/2017, Nguyễn Văn L đang đi chơi tại làng C - R- G- Gia Lai, khi đi ngang qua Trạm xá xã R thuộc làng C thì L thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu V đen, biển số 81V1-080.25 của anh Ksor H (SN: 1981; HKTT:

làng Y - R - G - Gia Lai) để trước sân của Trạm xá và không có người trông coi nên L vào dắt trộm xe ra ngoài đường rồi dùng vam phá khóa điện của xe nổ máy chạy về làng H- C - G. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối nước.

Khoảng 08 giờ ngày 28/06/2017, L điện thoại cho Lương Văn N hỏi N có mua xe không (ý là mua xe trộm cắp). N đồng ý và L hẹn gặp N tại lô cao su ở làng C - O. Khi đến nơi, L đưa xe mô tô cho N xem, N hỏi L bán bao nhiêu tiền thì L trả lời là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), N đồng ý và lấy tiền đưa cho L rồi đem xe về nhà. Khoảng 11 giờ cùng ngày N gặp chị Võ Thị Q (SN: 1975, trú tại: xã Ia Tơi - Ia H'Drai - Kon Tum) tại làng Dăng- O- G và hỏi chị Q có mua xe máy hiệu Sirius không, Chị Q đồng ý nên N cho chị Q xem xe và nói bán giá 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), chi Q đồng ý và lấy tiền đưa cho N và lái xe về sử dụng. Số tiền chênh lệnh từ việc mua bán xe N tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu V - đen, BKS: 81V1-080.25, số khung: C640CY739756, số máy: 5C6K284756, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 27/06/2017 có giá trị là 8.000.000.đ (tám triệu đồng).

Vụ thứ bảy: Khoảng 22 giờ 00 ngày 09/07/2017, Nguyễn Văn L đang đi chơi tại khu vực xã R - G- Gia Lai, khi đi vào làng T - R thì L thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh, biển số 81B2-119.33 của chị Ksor T (SN: 1999; HKTT: làng T - R - G - Gia Lai) để trước sân nhà và không có người trông coi nên L vào dắt trộm xe ra ngoài đường rồi dùng vam phá khóa điện của xe nổ máy chạy về làng H- C- G cất giấu. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối.

Khoảng 11 giờ ngày 15/07/2017, L đi chơi tại Thôn 9- T- G thì gặp Bùi Văn Đ (SN: 1994; HKTT: Thôn C- T - G - Gia Lai) và L hỏi Đ có mua xe máy không. Đ nói muốn xem xe nên đến khoảng 11 giờ ngày 16/07/2017 L điều khiển xe Sirius nói trên ra nhà Đ, trên đường đi khi qua làng D- R, L thấy có biển số 81V1-070.75 ở mương nước cạnh đường nhựa nên nhặt gắn vào xe Sirius trộm cắp rồi chạy đến nhà Đ, Đ xem xe rồi hỏi L xe có giấy tờ không và bán giá bao nhiêu thì L nói xe của L bị mất giấy tờ và bán giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). Đ đồng ý nên lấy tiền đưa cho L. Số tiền có được từ việc bán xe L tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu xanh - đen, BKS: 81V1- 119.33 số khung: RLCUE3240HY015640, số máy: E3X9E-042739, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 09/07/2017 có giá trị là 18.000.000.đ (mười tám triệu đồng).

Vụ thứ tám: Khoảng 21 giờ ngày 27/07/2017, Nguyễn Văn L đến Thôn C- T chơi thì gặp đối tượng tên T4 ở xã T- G, nên L rủ T4 đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài và T4 đồng ý. Sau đó, đến khoảng gần 24 giờ cùng ngày, L đưa T4 điều khiển xe Sirius màu xám - đen (do L và D trộm cắp được của anh Rơ Lam C vào ngày 09/06/2017 tại làng J- O) chở L đi về hướng xã R. Khi đến làng C - R, T4 và L phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển số 81B2-126.87 của chị Ksor Byih (SN: 1997; HKTT: làng M - R - G - Gia Lai) để trước sân nhà, nên L bảo T4 dừng xe và đứng ngoài cảnh giới, còn L đi bộ vào dắt xe ra ngoài đường rồi sử dụng vam phá khóa đã chuẩn bị, phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại làng H- C. Tại đây L Rểm tra cốp xe thì thấy có giấy đăng ký xe mô tô biển số 81B2-126.87 nên không tháo bỏ biển số xe. Khoảng 08 giờ ngày 28/7/2017, L gặp anh Tăng Q Việt (SN: 1982, HKTT: làng Kom Ngó- C- G- Gia Lai) tại làng Kom Ngó- C và hỏi anh Việt có mua xe không, Anh Việt xem xe và hỏi L bán giá bao nhiêu thì L nói giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng), Anh Việt trả giá 5.000.000đ (năm triệu đồng), L đồng ý nên anh Việt lấy tiền đưa cho L và lấy xe cùng giấy tờ về sử dụng. L đem tiền chia cho T4 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền còn lại L tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển số 81B2- 126.87, SK: C6K0GY315409; SM: 5C6K315412, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 27/07/2017 có giá trị là 20.500.000.đ (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứC2n: Khoảng 08 giờ ngày 29/07/2017, đối tượng tên T4 rủ Nguyễn Văn L đi trộm cắp xe máy ở khu vực gần C3 ty cà phê B (thuộc xã T- G), L đồng ý. Sau đó, L đến khu vực Thôn C, xã T (gần C3 ty B) tìm T4 và đưa xe máy Sirius màu đen (do L và D trộm cắp được của anh Rơ Lan C vào ngày 09/06/2017 tại làng J- O) cho T4 điều khiển chở L qua khu vực gần C3 ty cà phê IaBlan. Tại đây, T4 và L phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 81B1- 832.18 của Rơ Mah Byih (SN: 1996, HKTT: làng Del - T- G- Gia Lai) không có người trông coi nên T4 dừng xe cho L xuống đi bộ rồi sử dụng vam phá khóa đã chuẩn bị, phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại làng H- C. Khoảng 10 giờ cùng ngày L gặp anh Tăng Quang Đ (SN: 1980, HKTT: làng N- C- G- Gia Lai) và hỏi anh Đ có mua xe máy không thì anh Đ nói có và muốn xem xe. Đến khoảng 13 giờ ngày 02/08/2017, L đem xe máy biển số 81B1- 832.18 đến nhà anh Đức tại làng N- C, anh Đ xem xe và hỏi L bán giá bao nhiêu thì L nói giá với giá 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng), Anh Đ đồng ý nên lấy tiền đưa cho L, L đem tiền chia cho T4 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền còn lại L tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu

Yamaha Sirius, màu đen, biển số 81B1-832.18, SK: RLCS5C6107Y064472; SM: 5C61-064472, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 29/07/2017 có giá trị là 6.500.000.đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Biết hành vi của mình không thể trốn tránh được, nên ngày 10/8/2017 Nguyễn Văn L đã ra C3 an huyện G, tỉnh gia Lai xin đầu thú. Ngày 11/8/2017 Bùi Duy T2 và Lương Văn N cùng ra xin đầu thú.

Tại phiên tòa, Rểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 19/Ctr-VKS ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, Bùi Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Bùi Duy T2 phạm tôi Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lương Văn N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 đến 07 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 26 đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 13 đến 14 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 08 đến 10 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Bùi Duy T2 từ 06 đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lương Văn N 08 đến 10 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị T thu tiêu huỷ một tuýp bằng Rm loại, một chiếc búa, một biển số xe. T thu sung C3 quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại NoRa 1280 đã qua sử dụng. Buộc bị cáo L phải nộp 2.100.000 đồng sung C3 quỹ Nhà nước.

Về dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị P 10.000.000 đồng, anh Siu D 4.000.000 đồng,anh Bùi Văn Đ 5.000.000 đồng, anh Tăng Quang V 5.000.000 đồng, anh Ksor H 1.000.000 đồng, chị Rơ Mah Byih 2.000.000 đồng, chị Ksor Byih 2.180.000 đồng. Buộc bị cáo Lương Văn N phải trả cho bà Võ Thị Q 4.500.000 đồng, trả cho bà Lê Thị X 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Viện Rểm sát nhân dân huyện G đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại là anh Siu Djot xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bùi Văn D và Phạm Văn Q.

Về dân sự: Người bị hại là anh Siu Djot yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn T phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Anh Ksor H yêu cầu bị cáo L phải bồi thường chi phí làm lại biển số xe là 1.000.000 đồng. Chị Rơ Mah Bih yêu cầu bị cáo L bồi thường tiền sửa xe là 2.000.000 đồng. Chị Ksor B yêu cầu bị cáo L phải bồi thường tiền sửa xe là 2.180.000 đồng. Người có quyền lợi N vụ liên quan là anh Bùi Văn Đ yêu cầu bị cáo L phải trả lại 5.000.000 đồng. Anh Trần Văn C2, Phạm Đình Hệ, Tăng Q Đức không có yêu cầu gì. Bị cáo Nguyễn Văn L và Vũ Văn T chấp nhận toàn bộ yêu cầu về dân sự của anh Siu D, anh Ksor H, chị Rơ Mah B2, chị Ksor B, anh Bùi Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Rểm sát viên thu thập, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan cung cấp được thu thập hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Rểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Khoảng 08 giờ ngày 20/04/2017, Vũ Văn T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L rủ L đi trộm cắp xe máy thì L đồng ý. Sau đó, L cầm theo một vam phá khóa hình chữ L dài khoảng 12cm và điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius đến nhà T, L đưa xe cho T điều khiển .Khi đi ngang qua lô cà phê thuộc làng Mít Kom 2, xã O, huyện G thấy có một xe mô tô BKS: 81V1- 101.43, hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng của chị Nguyễn Thị P đang để bên đường . T dừng xe, L đi vào sử dụng vam phá khóa và phá khóa xe của chị P rồi cả hai điều khiển xe về nhà L tại Làng H, xã C. Trên đường đi, khi đi khi qua cầu suối Y, xã R L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối nước. Khoảng 11 giờ cùng ngày L và T mang chiếc xe trên đi bán cho Phạm Đình Hệ được 2.500.000đ, L chia cho T 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó L điều khiển xe Yamaha Sirius mượn của Huy về trả cho Huy. Tại Kết luận định giá tài sản số 46/KL-TS ngày 29/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen- trắng, BKS: 81V1-101.43 có giá trị là 10.000.000.đ (mười triệu đồng)

Vào khoảng 19 giờ ngày 02/6/2017 Bùi Duy T2 cùng với Bùi Văn D đang ở lán rẫy của anh Trần Văn C2 ở xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai thì T2 rủ D đi đến đám ma đi lấy trộm xe. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T2 và D cùng đi vào làng L, xã R tìm xe mô tô để trộm cắp nhưng D không phá khóa xe mô tô được nên cả hai bỏ về lán. Đến khoảng 16 giờ ngày 03/06/2017, D gọi điện thoại rủ L đi lấy trộm xe mô tô và L đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày L đến lán rẫy của anh Trần Văn C2 gặp D và T2, tại đây, D, L và T2 rủ nhau đến đám ma để trộm xe máy. T2 ở nhà đợi còn D điều khiển xe Dream mượn của anh Trần

Văn C2 chở L đến làng L, xã R. Khi vào gần đến đám ma D dừng xe cách khoảng 20m đứng cảnh giới và L đi vào thấy và dùng vam phá khóa mở khóa điện của xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, BKS: 81V1-124.92 của anh Siu Djót rồi đề nổ xe và cùng D chạy về nhà rẫy. Khi đến nơi, T2 tháo biển số xe đưa cho L và L điều khiển xe Sirius chạy về nhà tại làng H- C. Trên đường đi qua cầu suối Y- R, L ném biển số xuống suối. Trước đó Phạm Văn Q có điện thoại cho L để hỏi mua xe máy trộm cắp. Đến khoảng 08 giờ ngày 04/06/2017 L điện thoại cho Phạm Văn Q và hẹn Q đến lô cao su làng C, xã O để L bán xe. Q rủ Lương Văn N cùng đi mua xe và Q lấy xe mô tô hiệu Air Blade BKS: 81V1-133.60 của bố mình là Phạm Văn Thiện (sinh năm: 1971, chỗ ở: Làng Bi, xã O, huyện G) chở N đến làng C, xã O. Tại đây, Q đã mua xe mà L trộm cắp được với giá 4.000.000 đồng, khi thấy L và Q giao dịch mua bán xe thì N biết Q mua xe do L trộm cắp. Sau khi bán xe xong, L đón xe đò về xã R gặp Thái mua 03 (ba) tép ma túy (heroin) với giá 900.000 đ (C2n trăm ngàn đồng) rồi đến lều rẫy của anh C2 gặp D và T2, tại đây L đưa ma túy cho D và T2 cùng sử dụng, L đưa cho riêng D 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) và giữ lại 1.600.000đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng). Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-TS ngày 16/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, BKS: 81V1-124.92, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 04/06/2017 có giá trị là 10.000.000.đ (mười triệu đồng).

Khoảng 21 giờ ngày 08/06/2017, Nguyễn Văn L đang chơi ở khu vực Thị Tứ - xã R thì gặp và rủ Bùi Văn D đi trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 01 giờ ngày 09/06/2017, D điều khiển xe hiệu Dream BKS: 81B1- 641.83 chở L đi đến khu vực Làng J- O - G thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám - đen, BKS: 81B2-117.52 của anh Rơ Lan đang để ngoài sân, D dừng xe đứng ngoài cảnh giới cách đó khoảng 50 mét, còn L đi bộ vào sân sử dụng vam phá khóa phá khóa điện của xe và lấy xe chạy về nhà tại Làng H- C, trên đường đi khi qua cầu suối Y- R L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 31/KL-TS ngày 15/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu Yamaha Sirius, màu xám - đen, biển số 81B2-117.52 đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 09/06/2017 có giá trị là 18.800.000.đ (mười tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Khoảng 21 giờ ngày 13/06/2017, L đến nhà rẫy rủ D đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài và D đồng ý. Sau đó, L đưa D điều khiển xe Sirius màu xám - đen (do L và D trộm cắp được trước đó vào ngày 09/06/2017 của anh Rơ Lan C) chở L đi về hướng xã O - G. Khi đi đến tiệm "Internet" thuộc khu vực Thôn 1 - R - G thì phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - V, biển số 81V1-178.79 của anh Lương Thái Thành C3 để trước sân quán Internet. D dừng xe và đứng ngoài cảnh giới cách đó khoảng 50 mét, còn L đi vào sử dụng vam phá khóa đã chuẩn bị, phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại Làng H- C. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối, còn D về nhà rẫy ngủ. Khoảng 08 giờ ngày 14/06/2017, L điện thoại và hẹn gặp Lương Văn N tại lô cao su thuộc làng C - O và bán xe trộm cắp được cho N với giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khi mua xe, N biết rõ là xe do L trộm cắp mà có. Khoảng 11 giờ cùng ngày, N gặp chị Lê Thị X và lại xe cho chị X

với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng. Sau khi bán xe cho N được 3.500.000 đồng, L chia cho D 1.500.000.đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), L giữ lại 2.000.000đ (hai triệu đồng). Số tiền trên L và D tiêu xài hết. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KL-TS ngày 15/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu Yamaha Sirius, màu đen V, biển số 81V1-178.79 đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 13/06/2017 có giá trị là 12.600.000.đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Khoảng 21 giờ ngày 22/06/2017, Nguyễn Văn L đến làng C - R chơi thì gặp và rủ Bùi Văn D đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng gần 24 giờ cùng ngày D điều khiển xe Sirius màu xám - đen chở L đi về hướng làng Bi Y- R thì phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đỏ, biển số 81B1-900.43 của anh Rơ Lan để trước sân nhà. D dừng xe và đứng ngoài cảnh giới cách đó khoảng 15 mét, còn L đi bộ vào dắt xe ra ngoài đường rồi sử dụng vam phá khóa để phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại làng H- C. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối, còn D về nhà rẫy ngủ. Trước đó Phạm Văn Q có điện thoại cho L để hỏi mua xe máy trộm cắp. Trước đó Phạm Văn Q có hẹn L để mua xe máy trộm cắp, đến khoảng 08 giờ ngày 23/06/2017, L điện thoại và hẹn Phạm Văn Q tại lô cao su làng C - O. Tại đây, L bán xe cho Q với giá 4.000.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ ngày 07/07/2017, Q bán xe lại cho N chiếc xe trên với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), N biết xe máy là do L trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 4.000.000 đồng và cùng ngày, N bán lại xe cho anh Vi Văn Son được 5.000.000 đồng. Đối với L sau khi bán được xe L đã chia cho D 1.500.000.đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), L giữ lại 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền trên L và D tiêu xài hết. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng - đỏ, BKS: 81B1-900.43 đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 22/06/2017 có giá trị là 13.000.000.đ (mười ba triệu đồng).

Khoảng 21 giờ 30 ngày 27/06/2017, Nguyễn Văn L đi ngang qua Trạm xá xã R thuộc làng C thì L thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu V đen, biển số 81V1-080.25 của anh Ksor H để trước sân của Trạm xá và không có người trông coi nên L vào dắt trộm xe ra ngoài đường rồi dùng vam phá khóa điện của xe nổ máy chạy về làng H- C - G. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối nước. Khoảng 08 giờ ngày 28/06/2017, L điện thoại và hẹn Lương Văn N tại lô cao su ở làng C - O. Tại đây, N biết rõ xe máy do L trộm cắp mà có và mua lại xe của L với giá 4.000.000 đồng. Khoảng 11 giờ cùng ngày N bán lại xe cho chị Võ Thị Q giá 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền chênh lệnh từ việc mua bán xe N tiêu xài hết. Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu V - đen, BKS: 81V1-080.25 đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 27/06/2017 có giá trị là 8.000.000.đ (tám triệu đồng).

Khoảng 22 giờ 00 ngày 09/07/2017, Nguyễn Văn L đi vào làng Dọch Tung - R thì L

thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh, biển số 81B2-119.33 của chị Ksor T để trước sân nhà và không có người trông coi nên L vào dắt trộm xe ra ngoài đường rồi dùng vam phá khóa điện của xe nổ máy chạy về làng H- C- G cất giấu. Trên đường đi, khi qua cầu suối Y- R, L tháo biển số xe và ném biển số xuống suối. Ngày 16/07/2017, L bán lại xe trộm cắp được cho Bùi Văn Đ với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng), trước khi bán xe, L lắp biển số 81V1-070.75 nhặt được ở mương nước cạnh đường nhựa vào xe. Số tiền có được từ việc bán xe L tiêu xài hết. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu xanh - đen, BKS: 81V1- 119.33 đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 09/07/2017 có giá trị là 18.000.000.đ (mười tám triệu đồng).

Khoảng 21 giờ ngày 27/07/2017, Nguyễn Văn L đến Thôn 9- T chơi thì gặp đối tượng tên T4 ở xã T- G, L rủ T4 đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài và T4 đồng ý. Đến khoảng gần 24 giờ cùng ngày, T4 điều khiển xe Sirius màu xám - đen chở L đi về hướng xã R. Khi đến làng C - R, T4 và L phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển số 81B2-126.87 của chị Ksor Byih để trước sân nhà, T4 dừng xe và đứng ngoài cảnh giới, còn L đi bộ vào dắt xe ra ngoài đường rồi sử dụng vam phá khóa đã chuẩn bị, phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại làng H- C. Ngày 28/7/2017, L gặp và bán xe trộm cắp được cho anh Tăng Q Việt với giá 5.000.000đ (bảy triệu đồng). L chia cho T4 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền còn lại L tiêu xài hết.Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển số 81B2- 126.87 đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 27/07/2017 có giá trị là 20.500.000.đ (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoảng 08 giờ ngày 29/07/2017, đối tượng tên T4 rủ Nguyễn Văn L đi trộm cắp xe máy ở khu vực gần C3 ty cà phê B (thuộc xã T- G), L đồng ý và đưa xe máy Sirius màu đen cho T4 điều khiển chở L qua khu vực gần C3 ty cà phê B. Tại đây, T4 và L phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 81B1- 832.18 của Rơ Mah Byih không có người trông coi nên T4 dừng xe cho L xuống đi bộ rồi sử dụng vam phá khóa đã chuẩn bị, phá khóa điện của xe và điều khiển chạy về nhà tại làng H- C. Ngày 02/08/2017, L đem xe máy trộm cắp được đến nhà anh Đức tại làng Kom Ngó- C, và bán cho anh Đức với giá 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng), L chia cho T4 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền còn lại L tiêu xài hết. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL-TS ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G kết luận chiếc xe mô tô hai bánh, hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 81B1-832.18 đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm ngày 29/07/2017 có giá trị là 6.500.000.đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn D, Bùi Duy T2, Vũ Văn T lén lút chiếm đoạt tài sản, trong đó bị cáo Nguyễn Văn L tham gia chiếm đoạt 09 chiếc xe mô tô có tổng giá trị còn lại 117.400.000 đồng, Bùi Văn D tham gia chiếm đoạt 04 chiếc xe mô tô có giá trị còn lại là 54.400.000 đồng, Bùi Duy T2, Vũ Văn T tham gia chiếm đoạt 01 xe mô tô có giá trị còn lại là 10.000.000 đồng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền

sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo Nguyễn Văn L thuộc trường hợp đã tái phạm lại tiếp tục phạm tội do cố ý, giá trị tài sản chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng, do vậy hành vi phạm tội mà bị cáo L đã thực hiện thuộc trường hợp định khung tăng nặng được quy định tại các điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo Bùi Văn D chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 50.000.000 đồng , hành vi phạm tội mà bị cáo D đã thực hiện thuộc trường hợp định khung tăng nặng được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999. Hành vi phạm tội mà các bị cáo Bùi Duy T2, Vũ Văn T thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Đối với Phạm Văn Q, bị cáo Q không tham gia trực tiếp vào việc lén lút chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo Q có hứa hẹn trước với bị cáo L về việc sẽ mua xe nếu bị cáo L trộm cắp được, do vậy, bị cáo Q là đồng phạm với vai trò người giúp sức đối với hai lần bị cáo L trộm cắp xe máy bán lại cho Q với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 23.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Q đã thực hiện xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Hành vi không hứa hẹn trước, biết rõ những xe máy do bị cáo Q và bị cáo L bán là do phạm tội mà có của bị cáo Lương Văn N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự C3 cộng, đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự 1999.

[3] Về tính chất của tội phạm

Đối với những vụ trộm cắp tài sản vào các ngày 24/4/2017, 02/6/2017, 08/6/2017, 13/6/2017, 22/6/2017, 27/7/2017và 29/7/2017 là những vụ án đồng phạm giản đơn thông thường, các bị cáo không có sự phân công bàn bạc từ trước mà cùng thống nhất ý chí thực hiện tội phạm, bị cáo Phạm Văn Q là người giúp sức với việc hứa hẹn với bị cáo L mua xe trộm cắp. Xét tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy rằng, các bị cáo L, D, T2, T và Q đều nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì Đng cơ vụ lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài, muốn hưởng lợi nhanh chóng, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý tài sản thực hiện liên tiếp hành vi trộm cắp tài sản là xe máy đi tiêu thụ. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp vào quyền sỡ hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây hoang mang trong dư luận quần chúng ở địa P, thuộc trường hợp nghiêm trọng cần xử lý nghiêm khắc. Xét tính chất tội phạm của từng bị cáo thấy rằng. Đối với bị cáo L, bị cáo L đã 3 lần bị xét xử kết án về hành vi trộm cắp tài sản, trong quá trình chấp hành án, bị cáo đã được giáo dục, cải tạo, sau khi chấp hành án xong bị cáo có nghề nghiệp ổn định, không lo lao Đng lại tiếp tục 09 lần thực hiện hành vi trộm cắp xe máy, trong đó bị cáo tham gia cùng các đồng phạm khác là 07 vụ và một mình thực hiện 02 vụ trộm xe máy với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 117.400.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo L thể hiện ý thức xem thường pháp luật, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm thuộc trường hợp nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm khắc. Đối với bị cáo D, đã cùng với bị cáo L tham gia 04 vụ trộm cắp với giá trị tài sản chiếm đoạt là 54.400.000 đồng thuộc trường hợp nghiêm trọng. Đối với các bị cáo Vũ Văn T và Bùi Duy T2, phạm tội lần đầu, chỉ cùng đồng phạm tham gia một vụ trộm

cắp với giá trị chiếm đoạt mỗi bị cáo đã thực hiện là 10.000.000 đồng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo Phạm Văn Q, tuy không trực tiếp chiếm đoạt xe máy, nhưng vì muốn hưởng lợi đã hứa hẹn với bị cáo L về việc mua xe trộm cắp, đóng vai trò giúp sức trong 2 vụ trộm cắp mà bị cáo L và đồng phạm thực hiện. Hành vi của bị cáo Q bị xử lý về tội trộm cắp tài sản là phù hợp tuy nhiên tính chất, mức Đ nguy hiểm cho xã hội ở mức ít nghiêm trọng sẽ được xem xét xử lý phù hợp.

Đối với hành vi phạm tội do bị cáo Lương Văn N đã thực hiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, khi bị cáo N đi cùng bị cáo Q mua xe do L bán và khi bị cáo N trực tiếp mua xe của L, bị cáo N đã biết rõ nguồn gốc xe là do bị cáo L trộm cắp mà có nhưng vì Đng cơ vụ lợi muốn mua rẻ bán lại Rếm lời nên đã mua xe của bị cáo L. Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng đã xâm phạm vào trật tự công cộng, thể hiện ý thức coi thường pháp luật cần phải xử lý phù hợp.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn L có nhân thân xấu, đã bị kết án, chưa được xoá án tích lại tiếp tục tái phạm, đã tái phạm chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Các bị cáo Bùi Duy T2, Phạm Văn Q, Lương Văn N và Vũ Văn T đều có nhân thân tốt, trước lần bị xét xử ngày hôm nay, các bị cáo chưa bị xét xử, kết án, chưa bị xử lý hành chính. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, bị cáo D, T2, T, Q, N ăn năn hối cải. Riêng các bị cáo Bùi Duy T2, Vũ Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Bùi Văn D và Phạm Văn Q đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, tại phiên toà người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D và Q. Bị cáo Vũ Văn T có bố đẻ là người có công với cách mạng được Chủ T nước tặng Huân chương. Bị cáo Phạm Văn Q có bà ngoại là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo Lương Duy N là lao Đng C2nh trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn được Nhà nước xét diện hộ nghèo, có bố bị tai nạn lao Đng hiện không có khả năng lao Đng. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Duy T2, Lương Văn N đã ra đầu thú khi tội phạm bị phát hiện. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tương ứng đối với hành vi của từng bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm sự, các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn D, Phạm Văn Q và Lương Văn N phạm tội từ 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất và mức Đ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Với mục đích giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, tôn trọng pháp luật, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục cách ly các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn D ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Vũ Văn T đã bị tạm giam tính đến ngày hôm nay là 12 tháng 01 ngày, xét thấy không cần T phải tiếp tục cách ly bị cáo T mà tuyên mức hình phạt tù bằng với thời hạn bị cáo T bị tạm giữ, tạm giam là phù hợp. Đối với các bị cáo Phạm Văn Q, Bùi Duy T2, Lương Văn N đã bị tạm giữ, tạm giam một thời gian, xét thấy cần T cách ly các bị cáo Q,

T2, N ra khỏi xã hội thêm một thời gian nữa là phù hợp và đảm bảo mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[6] Về dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người bị hại là anh Rơ Lan C, Lương Thái Thành C3, Rơ Lan V, Ksor H, chị Ksor T, Ksor Byih, Rơ Mah Byih đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về tài sản bị mất. Người bị hại là chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên toà, trong quá trình điều tra, chị P yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do bị mất tài sản là xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81V1 – 101.43. Tại phiên toà anh Siu Djớt yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do bị mất tài sản là xe mô tô Yamaha Sirius 81V1-124.92, Anh Ksor H yêu cầu bị cáo L phải bồi thường chi phí làm lại biển số xe là 1.000.000 đồng. Chị Rơ Mah Bih yêu cầu bị cáo L bồi thường tiền sửa xe là 2.000.000 đồng. Chị Ksor Byih yêu cầu bị cáo L phải bồi thường tiền sửa xe là 2.180.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị P, thấy rằng, các bị cáo Nguyễn Văn L và Vũ Văn T thừa nhận trộm cắp chiếc xe của chị P, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị P buộc bị cáo L và T liên đới bồi thường cho chị P giá trị xe là 10.000.000 đồng, xét mức Đ lỗi của các bị cáo L và T trong việc gây ra thiệt hại cho cho chị P là như nhau, doc vậy cần buộc bị cáo L bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo T bồi thường 5.000.000 đồng .

Xét yêu cầu của ánh Siu D, thấy rằng các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Duy T2, Bùi Văn D thừa nhận đã trộm cắp chiếc xe của anh Djớt, Phạm Văn Q là đồng phạm với vai trò giúp sức, thời điểm xảy ra thiệt hại, tài sản là chiếc xe mô tô của anh Siu Djot được định giá là 10.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Q đã tự nguyện đến Cơ quan thi hành án dân sự huyện G nộp số tiền 3.000.000 đồng để bồi thường cho anh Siu Djơt, bị cáo D đã tác động người thân bồi thường cho anh Siu D 3.000.000 đồng, tại phiên toà, anh Siu D thừa nhận đã nhận 3.000.000 đồng do bị cáo D bồi thường, do vậy các bị cáo Q và D đã bồi thường xong. Cần buộc bị cáo Nguyễn Văn L và Bùi Duy T2 tiếp tục liên đới bồi thường số tiền còn lại là 4.000.000 đồng cho anh Siu Djơt, xét vai trò, mức Đ lỗi dẫn đến thiệt hại cho anh Siu D của bị cáo L là nhiều hơn so với bị cáo T2, do vậy cần buộc bị cáo L phải bồi thường 3.000.000 đồng, bị cáo T2 bồi thường 1.000.000 đồng.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn L chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của anh Ksor H, chị Rơ Mah Bih và chị Ksor Byih.

Những người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà chị Lê Thị X, chị Võ Thị Q, anh Tăng Quang Việt. Trong quá trình điều tra đã có yêu cầu về dân sự, cụ thể là chị Lê Thị X yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền mua xe là 5.000.000 đồng, chị Võ Thị Q yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền mua xe là 4.500.000 đồng. Anh Tăng Q Việt yêu cầu bị cáo L phải trả lại tiền mua là 5.000.000 đồng. Tại phiên toà, anh Bùi Văn Đ yêu cầu bị cáo L phải trả lại tiền mua là 5.000.000 đồng 5.000.000 đồng , xét yêu cầu của chị X, chị Q, anh Đ, anh Việt thấy rằng, khi bị cáo N và L bán xe thì đưa thông tin gian dối về xe, bản thân của những người mua xe khi mua xe không biết là xe do phạm tội mà có, việc mua bán diễn ra C3 khai, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị X, chị Q, anh Đ, anh V.

Tại phiên toà, anh Tăng Quang Đức không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã mua xe của bị cáo L là 2.100.000 đồng. Số tiền này sẽ được xem xét khi áp dụng các biện pháp tư pháp đối với bị cáo L.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Cần buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn D, Phạm Văn Q và Lương Văn N phải nộp lại toàn bộ khoản thu nhập bất C2nh từ việc trộm cắp, mua bán xe mô tô để sung C3 quỹ Nhà nước, cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp lại số tiền có được từ việc bán xe 81V1-178.79 là 2.000.000 đồng, bán xe 81B1-900.43 là 2.500.000 đồng, bán xe 81V1-080.25 là 4.000.000 đồng, bán xe 81B1-823.18 là 2.100.000 đồng, tổng cộng buộc bị cáo L phải nộp lại 10.600.000 đồng. Bị cáo Bùi Văn D phải nộp lại số tiền từ việc bán xe 81V1-178.19 là 1.500.000 đồng, bán xe 81B1-900.43 là 1.500.000 đồng, tổng cộng buộc bị cáo D phải nôp 3.000.000 đồng. Bị cáo N phải nộp số tiền được hưởng lợi từ việc mua bán xe 81B1-900.43 là 1.500.000 đồng, được bị cáo Q chia 200.000 đồng, tổng cộng buộc bị cáo N phải nộp số tiền 1.700.000 đồng.

[8] Về vật chứng:

Đối với các xe mô tô của anh Rơ Lan C, anh Lương Thái Thành C3, anh Rơ Lan V, anh Ksor H, chị Ksor T, chị Ksor B, chị Rơ Mah B1. Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu nên hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ferroli màu nâu, biển Rểm soát 81B1-641.83, đây là tài sản của anh Trần Văn C2, các bị cáo mượn rồi dùng vào việc phạm tôi, anh C2 không biết, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý vậ chứng bằng hình thức trả lại cho anh C2, xét việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng là 01 chiếc điện thoại di Đng nhãn hiệu NORA 1280 màu xanh – đen và một chiếc điện thoại di Đng nhãn hiệu NORA 1280 màu đen đã qua sử dụng, đây là C3 cụ mà các bị cáo Nguyễn Văn L và Lương Duy N dùng vào việc liên lạc thực hiện tội phạm hiện còn giá trị sử dụng cần T thu sung C3 quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là 01 tuýp bằng Rm loại hình chữ L, hai đầu lục giác, màu đen, trên thân có ký hiệu số 8 màu đen, dài 12,5cm; một búa bằng kim loại cán bằng gỗ dài 15cm. Đây là C3 cụ P tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng cần T thu tiêu huỷ. Đối với một biển số xe 81V1-070.75, quá trình điều tra đã T4 hành xác minh nhưng không xác định được P tiện, hiện không còn giá trị sử dụng cần T thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo Phạm Văn Q đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu tiền số 0001918 ngày 28/8/2019 . Đây là tiền mà bị cáo Q dùng để khắc phục hậu quả sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vấn đề dân sự.

[9] Đối với đối tượng tên T4, là người mà bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận là đồng phạm trong các vụ trộmc ắp vào các ngày 27, 29 tháng 7 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chưa xác định được nhân thân lai lịch của T4. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có căn cứ để xử, khi nào có đủ căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau

[10] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn L, Lương văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn D, Vũ Văn T, Bùi Duy T2 và Phạm Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Lương Văn N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; của Bộ luật hình sự 1999; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Bùi Duy T2 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến hết ngày 19/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; của Bộ luật hình sự 1999; các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 12 (mười hai) tháng 01 (một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/8/2017. Bị cáo Vũ Văn T đã chấp hành đủ thời hạn tù.

Trả tự do cho bị cáo Vũ Văn T tại phiên toà nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; của Bộ luật hình sự 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 07(bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2017 đến hết ngày 24/11/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Lương Văn N 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến hết ngày 12/02/2018

Áp dụng Điều 46 của của Bộ luật hình sự 2015; các điều 357, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L và Vũ Văn T phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trong đó bị cáo L bồi thường 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bị cáo T bồi thường 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L và Bùi Duy T2 phải liên đới bồi thường cho anh Siu Djót 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), trong đó bị cáo L bồi thường 3.000.000 đồng, bị cáo T2 bồi thường 1.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho anh Ksor H 1.000.000 đồng (một triệu đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho chị Ksor B 2.180.000 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho chị Rơ Mah B2 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

Buộc bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường cho anh Siu D 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bị cáo Q đã bồi thường xong số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001918 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải trả cho anh Bùi Văn Đ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), trả cho ông Tăng Q Việt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng

Buộc bị cáo Lương Văn N phải trả cho bà Võ Thị Q 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng); trả cho bà Lê Thị X 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 47 của của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm ngàn đồng) sung C3 quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng) sung C3 quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Bùi Văn D phải nộp 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung C3 quỹ Nhà nước

T thu sung C3 quỹ Nhà nước một 01 (một) chiếc điện thoại di Động nhãn hiệu NORA 1280 màu xanh – đen, số IMEI 351876/02/841180/8 đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc điện thoại di Đng nhãn hiệu NORA 1280, màu đen, số IMEI 351949/05/343266/3 đã qua sử dụng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

T thu tiêu huỷ 01 (một) tuýp bằng Rm loại hình chữ L, hai đầu lục giác, màu đen, trên thân có ký hiệu số 8 màu đen, dài 12,5cm; 01 (một) búa bằng kim loại cán bằng gỗ dài 15cm; 01 (một) biển số xe 81V1-070.75 theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

Buộc các bị cáo Bùi Văn D, Bùi Duy T2, Phạm Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.159.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi C2n ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lương Văn N phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 475.000đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Những người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- C3 an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng